



Tổng hợp TN Pháp luật đại cương

Pháp luật đại cương (Trường Đại học Bách khoa Hà Nội)



Scan to open on Studocu

Đề thi môn: pháp luật đại cương

câu 1: pháp luật đại cương nghiên cứu về vấn đề gì?

- a.nhà nước
- b.pháp luật và nhà nước
- c.kinh tế
- d.các đảng phái chính trị

câu 2: xã hội cộng sản nguyên thuỷ là xã hội:

- a.có giai cấp
- b.không có các giai cấp mâu thuẫn, đối kháng nhau
- c.do nhà nước quản lý
- d.do các cơ quan lập pháp ban hành để quản lý

câu 3: phân công lao động xã hội lần thứ nhất trong xã hội cộng sản nguyên thuỷ là:

- a.thủ công tách khỏi nông nghiệp
- b.chăn nuôi tách khỏi trồng trọt
- c.thủ công tách khỏi nông nghiệp và trồng trọt
- d.thương mại tách khỏi thủ công, chăn nuôi và trồng trọt

câu 4: khái niệm nhà nước được hiểu như thế nào?

- a.nhà nước là một tổ chức xã hội
- b.nhà nước là một tổ chức chính trị
- c.nhà nước là một tổ chức quyền lực chính trị đặc biệt, có bộ máy chuyên làm nhiệm vụ cưỡng chế và thực hiện chức năng quản lý xã hội.
- d. nhà nước là tổ chức xã hội - nghề nghiệp
- đ. nhà nước là tổ chức chính trị - xã hội

câu 5: nhà nước xuất hiện khi có những điều kiện gì?

- a.khi có loài người là có nhà nước
- b. chỉ khi có sự xuất hiện của chế độ tư hữu và sự phân hoá xã hội thành giai cấp.
- c.khi có sự xuất hiện của đồng tiền
- d.khi có sự xuất hiện của quân đội
- đ.cá bón nhận định trên đều sai

câu 6: mối quan hệ giữa nhà nước với cơ sở kinh tế như thế nào?

- a.nhà nước có vai trò quyết định đối với cơ sở kinh tế
- b.cơ sở kinh tế có vai trò quyết định đối với nhà nước
- c. nhà nước không phụ thuộc gì vào cơ sở kinh tế
- d.nhà nước và cơ sở kinh tế không có mối quan hệ với nhau vì đó là hai phạm trù khác hẳn nhau.

câu 7: nhà nước và đảng chính trị có mối quan hệ như thế nào?

- a. nhà nước có vai trò lãnh đạo đối với đảng
- b.đảng chính trị là lực lượng giữ vai trò lãnh đạo đối với nhà nước.
- c.nhà nước và đảng chính trị không có mối quan hệ với nhau
- đ.cá ba nhận định trên đều sai

câu 8: nhà nước và hệ thống chính trị có mối quan hệ như thế nào?

- a. nhà nước là một bộ phận quan trọng của hệ thống chính trị
- b. nhà nước không nằm trong hệ thống chính trị mà đứng ngoài để quản lý hệ thống chính trị
- c. hệ thống chính trị chỉ bao gồm các đảng chính trị, không có nhà nước
- d. hệ thống chính trị chỉ bao gồm các đảng chính trị và các tổ chức chính trị xã hội, không có nhà nước.

câu 9: trong lịch sử đã xảy ra những kiểu nhà nước nào?

- a. nhà nước cộng sản nguyên tuỷ, nhà nước phong kiến, nhà nước tư sản và nhà nước xã hội chủ nghĩa.
- b. nhà nước cộng sản nguyên thuỷ, chiếm hữu nô lệ, nhà nước tư sản và nhà nước xã hội chủ nghĩa.
- c. nhà nước chiếm hữu nô lệ, nhà nước phong kiến, nhà nước tư sản và nhà nước xã hội chủ nghĩa.

d. nhà nước cộng sản nguyên thuỷ, nhà nước chiếm hữu nô lệ, nhà nước phong kiến, nhà nước tư sản và nhà nước xã hội chủ nghĩa.

câu 10: nhà nước bóc lột dựa trên cơ sở kinh tế nào?

a.chế độ công hữu về tư liệu sản xuất và sản phẩm xã hội.a.chế độ công hữu về tư liệu sản xuất và sản phẩm xã hội.

b.chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và sản phẩm xã hội.

c.chế độ công hữu và chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và sản phẩm xã hội, tuỳ theo kiểu nhà nước đó là nhà nước chủ nô, nhà nước phong kiến hay nhà nước tư sản.

d. cả ba nhận định trên đều sai.

câu 11: các kiểu nhà nước trong lịch sử có điểm giống nhau như thế nào?

a. đều mang bản chất giai cấp và bản chất xã hội.

b. đều dựa trên cơ sở chế độ tư hữu

c. đều dựa trên cơ sở chế độ công hữu

d. đều có đảng lãnh đạo

d. cả bốn nhận định trên đều sai.

câu 12: sự thay thế các kiểu nhà nước trong lịch sử thường diễn ra như thế nào?

a. thường diễn ra bằng con đường thương lượng để giành chính quyền.

b. giai cấp cũ đã lỗi thời thường tự nguyện nhường chính quyền cho giai cấp mới tiến bộ hơn.

c. giai cấp mới tiến bộ phải thường đấu tranh bằng bạo lực cách mạng để giành chính quyền từ tay giai cấp cũ.

d. cả ba nhận định trên đều sai.

câu 13: hình thức chính thể quân chủ chuyên chế được hiểu như thế nào?

a. toàn bộ quyền lực nhà nước tập trung vào tay một người đứng đầu là vua hoặc nữ hoàng.

b. bên cạnh nhà vua (nữ hoàng) có một cơ quan được thành lập theo quy định của hiến pháp để hạn chế quyền lực của nhà vua (nữ hoàng).

c. quyền lực nhà nước được trao cho một cơ quan được thành lập theo chế độ bầu cử.

d. vua (nữ hoàng) không có quyền lực gì mà chỉ là người đại diện về phương diện ngoại giao.

câu 14: hình thức chính thể quân chủ hạn chế được hiểu như thế nào?

a. toàn bộ quyền lực nhà nước tập trung vào tay một người đứng đầu là vua hoặc nữ hoàng.

b. bên cạnh nhà vua (nữ hoàng) có một cơ quan được thành lập theo quy định của hiến pháp để hạn chế quyền lực của nhà vua (nữ hoàng).

c. quyền lực nhà nước được trao cho một cơ quan được thành lập theo chế độ bầu cử.

d. trong chính thể này không có vua (nữ hoàng).

câu 15: hình thức chính thể cộng hoà được hiểu như thế nào?

a. là hình thức chính thể mà quyền lực nhà nước được trao cho một cơ quan được thành lập theo chế độ bầu cử.

b. là hình thức chính thể mà quyền lực nhà nước được trao cho một người đứng đầu theo chế độ thừa kế.

c. là hình thức chính thể mà quyền lực nhà nước được trao cho một cơ quan được thành lập theo chế độ bầu cử và bên cạnh cơ quan này còn có một người đứng đầu là vua hoặc nữ hoàng.

d. cả ba nhận định trên đều sai.

câu 16: hình thức chính thể cộng hoà có bao nhiêu dạng biểu hiện?

a. chỉ có chính thể cộng hoà quý tộc.

b. chỉ có chính thể cộng hoà dân chủ.

c. có hai loại là chính thể cộng hoà quý tộc và chính thể cộng hoà dân chủ.

d. chính thể cộng hoà chỉ tồn tại ở nhà nước xã hội chủ nghĩa.

câu 17: hình thức cấu trúc nhà nước bao gồm những loại nào?

a. nhà nước đơn nhất và nhà nước liên bang.

b. nhà nước đơn nhất, nhà nước liên bang và liên minh các nhà nước.

c. chỉ có nhà nước đơn nhất.

- d. chỉ có nhà nước liên bang
- d. chỉ có nhà nước liên minh.

câu 18: như thế nào là nhà nước đơn nhất?

- a. là nhà nước chỉ có một lãnh thổ toàn vẹn thống nhất, có một hệ thống pháp luật được áp dụng trên toàn bộ lãnh thổ quốc gia và có một hệ thống cơ quan nhà nước thống nhất từ trung ương đến địa phương.
- b. là nhà nước bao gồm nhiều quốc gia thành viên hợp thành trong đó mỗi quốc gia thành viên lại có pháp luật riêng của mình.
- c. là nhà nước có nhiều hệ thống pháp luật được áp dụng cho mỗi vùng lãnh thổ khác nhau.
- d. cả ba nhận định trên đều sai

câu 19: như thế nào là nhà nước liên bang?

- a. là nhà nước chỉ có một lãnh thổ toàn vẹn thống nhất.
- b. là nhà nước bao gồm nhiều quốc gia thành viên hợp thành trong đó mỗi quốc gia thành viên lại có pháp luật riêng của mình, đồng thời có một hệ thống pháp luật chung của toàn liên bang.
- c. là nhà nước chỉ có một hệ thống pháp luật được áp dụng chung trong toàn liên bang.
- d. là nhà nước chỉ có một hệ thống cơ quan nhà nước chung cho toàn liên bang.

câu 20: bản chất giai cấp của nhà nước được hiểu như thế nào?

- a. nhà nước là bộ máy chuyên chính của giai cấp nắm quyền thống trị về kinh tế và chính trị, nhằm bảo vệ lợi ích của giai cấp này.
- b. nhà nước là tổ chức quyền lực công cộng nhằm duy trì, bảo vệ trật tự chung của cả cộng đồng.
- c. chỉ có nhà nước bóc lột mới có bản chất giai cấp.
- d. cả ba nhận định trên đều sai

câu 21: bản chất xã hội của nhà nước được biểu hiện như thế nào?

- a. nhà nước là một tổ chức xã hội.
- b. nhà nước phải quan tâm đến lợi ích chung của toàn xã hội, duy trì, bảo vệ trật tự xã hội.
- c. nhà nước có tính xã hội vì nhà nước do các thành viên trong xã hội thoả thuận lập ra.
- d. chỉ có nhà nước xã hội chủ nghĩa mới mang bản chất xã hội
- e. chỉ có nhà nước pháp trị mới có bản chất xã hội.

câu 22: đặc điểm nào sau đây là dấu hiệu đặc trưng của nhà nước?

- a. nhà nước ra đời khi có sự xuất hiện chế độ tư hữu và sự phân hoá xã hội thành giai cấp.
- b. nhà nước chỉ tồn tại trong xã hội có giai cấp
- c. nhà nước luôn mang bản chất giai cấp và bản chất xã hội
- d. nhà nước ban hành pháp luật và thực hiện sự quản lý bắt buộc đối với mọi công dân.

câu 23: đặc điểm nào sau đây không phải là dấu hiệu đặc trưng của nhà nước?

- a. nhà nước thiết lập một quyền lực công cộng đặc biệt, được bảo đảm thực hiện bằng một bộ máy cưỡng chế đặc thù.
- b. nhà nước có chủ quyền quốc gia.
- c. nhà nước phân chia dân cư căn cứ vào nghề nghiệp và địa vị xã hội của họ
- d. nhà nước ban hành các thuế và tổ chức việc thu thuế dưới hình thức bắt buộc.

câu 24: chức năng của nhà nước được hiểu như thế nào?

- a. là mục tiêu mà nhà nước đặt ra trong từng thời kỳ phát triển của nhà nước.
- b. là những phương diện hoạt động chủ yếu của nhà nước nhằm thực hiện nhiệm vụ nhà nước đặt ra.
- c. là định hướng phát triển của nhà nước.
- d. là nhiệm vụ của nhà nước được giao.
- e. cả bốn nhận định trên đều sai.

câu 25: nhiệm vụ của nhà nước được hiểu như thế nào?

- a. là hoạt động của nhà nước trên các lĩnh vực.
- b. là mục tiêu mà nhà nước đặt ra trong từng thời kỳ.
- c. chỉ là những mục tiêu trước mắt mà nhà nước cần phải thực hiện
- d. chỉ là những mục tiêu lâu dài mà nhà nước cần phải thực hiện.

câu 26: mối quan hệ giữa chức năng của nhà nước và nhiệm vụ của nhà nước?

- a. nhiệm vụ của nhà nước là yếu tố quyết định chức năng của nhà nước.
- b. **chức năng của nhà nước là yếu tố quyết định nhiệm vụ của nhà nước**
- c. chức năng của nhà nước không phụ thuộc vào nhiệm vụ của nhà nước
- d. cả ba nhận định trên đều sai.

câu 27: chức năng của nhà nước bao gồm:

- a. chức năng đối nội.
- b. chức năng đối ngoại.
- c. chức năng đề ra đường lối, chính sách.
- d. cả ba nhận định trên đều đúng.**

câu 28: chức năng của nhà nước được thực hiện bởi chủ thể nào?

- a. tất cả các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và mọi công dân.
- b. được thực hiện bởi các cơ quan trong bộ máy nhà nước.
- c. được thực hiện bởi nhà nước và các tổ chức khác trong hệ thống chính trị
- d. được thực hiện bởi các cơ quan nhà nước, các tổ chức và cá nhân ở trong nước.
- e. được thực hiện bởi các doanh nghiệp nhà nước.

câu 29: hoạt động nào sau đây thuộc chức năng đối ngoại của nhà nước?

- a. quản lý vĩ mô nền kinh tế.
- b. bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội
- c. phòng thủ đất nước, chống sự xâm lược từ bên ngoài**
- d. trấn áp những phần tử chống đối

câu 30: nhà nước thực hiện chức năng thông qua các hình thức như thế nào?

- a. chỉ thông qua hoạt động xây dựng và ban hành pháp luật (hoạt động lập pháp)
- b. chỉ thông qua hoạt động tổ chức thực hiện pháp luật (hoạt động hành pháp).
- c. chỉ thông qua hoạt động bảo vệ pháp luật (hoạt động tư pháp)
- d. phải thông qua cả ba hình thức hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp.**

câu 31: nhà nước thực hiện chức năng bằng các phương pháp như thế nào?

- a. nhà nước chỉ sử dụng phương pháp cưỡng chế
- b. nhà nước chỉ sử dụng phương pháp giáo dục, thuyết phục
- c. nhà nước có thể sử dụng cả hai phương pháp cưỡng chế và giáo dục, thuyết phục**
- d. nhà nước bóc lột thì sử dụng phương pháp cưỡng chế còn nhà nước xã hội chủ nghĩa thì sử dụng phương pháp giáo dục, thuyết phục.
- e. cả bốn nhận định trên đều sai.

câu 32: chế độ chính trị được hiểu như thế nào?

- a. là tổng thể các phương pháp để thực hiện quyền lực nhà nước
- b. là tất cả các thiết chế chính trị trong xã hội
- c. là toàn bộ đường lối, chính sách mà đảng chính trị cầm quyền đề ra
- d. là đường lối, chính sách của đảng đã được nhà nước thể chế hoá thành pháp luật.**

câu 33: nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra đời từ khi nào?

- a. từ cách mạng tháng Tám năm 1945**
- b. từ hiến pháp năm 1959
- c. từ hiến pháp năm 1980
- d. từ hiến pháp năm 1992
- e. khi đất nước hoàn toàn thống nhất vào năm 1975.

câu 34: chức năng kinh tế của nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay là gì?

- a. nhà nước quyết định các chính sách phát triển kinh tế và giao kè hoạc cho từng đơn vị kinh tế.
- b. nhà nước quản lý vĩ mô nền kinh tế bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách, trong đó pháp luật là công cụ hữu**

hiệu nhất.

- c. nhà nước quản lý nền kinh tế thông qua việc ban hành hệ thống các chỉ tiêu pháp lệnh mà các đơn vị kinh tế phải thực hiện.
d. tất cả các hoạt động trên đều thuộc chức năng kinh tế của nhà nước.

câu 35: hoạt động nào sau đây không thuộc chức năng kinh tế của nhà nước ta?

- a. nhà nước đầu tư vốn để thành lập các công ty nhà nước nắm các lĩnh vực then chốt, quan trọng của nền kinh tế.
b. nhà nước ban hành các văn bản pháp luật để điều chỉnh các quan hệ kinh tế.
c. nhà nước thông qua cơ quan toà án để giải quyết các tranh chấp về kinh doanh, thương mại.
d. nhà nước thực hiện các hoạt động đẩy mạnh hợp tác kinh tế quốc tế.

câu 36: bộ máy nhà nước việt nam bao gồm các loại cơ quan nhà nước nào?

- a. cơ quan lập pháp (quốc hội), cơ quan hành pháp (chính phủ) và cơ quan xét xử (tòa án).
b. cơ quan quyền lực nhà nước; cơ quan hành chính nhà nước; cơ quan xét xử; cơ quan thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp.
c. cơ quan lập pháp và cơ quan hành pháp
d. cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp và cơ quan công tố

câu 37: cơ quan nào sau đây ở nước ta không phải do quốc hội thành lập?

- a. chính phủ
b. viện kiểm sát nhân dân
c. toà án nhân dân
d. hội đồng nhân dân

câu 38: hoạt động nào sau đây không thuộc chức năng của quốc hội?

- a. phê chuẩn dự toán ngân sách nhà nước và quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm.
b. ban hành hiến pháp và các đạo luật.
c. truy tố kẻ phạm tội ra trước toà án.
d. ban hành, sửa đổi hoặc bãi bỏ các loại thuế.

câu 39: cơ quan nào sau đây không có quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật?

- a. chính phủ.
b. các bộ, cơ quan ngang bộ.
c. các cơ quan trực thuộc chính phủ (văn phòng chính phủ, các vụ thuộc chính phủ).
d. uỷ ban nhân dân địa phương
e. ngân hàng trung ương

câu 40: cơ quan nào sau đây không nằm trong hệ thống cơ quan hành pháp?

- a. uỷ ban nhà nước các cấp
b. bộ tài chính
c. ngân hàng nhà nước việt nam
d. các ngân hàng thương mại nhà nước.
e. bộ công thương.

câu 41: chủ thể nào sau đây được gọi là cơ quan tư pháp?

- a. chỉ có toà án nhân dân mới là cơ quan tư pháp
b. chỉ có viện kiểm sát nhân dân mới là cơ quan tư pháp
c. chỉ có cơ quan điều tra mới là cơ quan tư pháp
d. cơ quan tư pháp gồm: toà án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, cơ quan điều tra và cơ quan thi hành án.

câu 42: toà án nhân dân có chức năng gì?

- a. chỉ có chức năng xét xử các vụ án về hình sự.
b. chỉ có chức năng xét xử các vụ án hình sự, vụ án dân sự, vụ án hành chính, vụ án kinh tế và vụ án lao động
c. có chức năng xét xử các vụ án hình sự, dân sự, hành chính, kinh tế, lao động và giải quyết các việc khác theo quy định của pháp luật.
d. cả ba nhận định trên đều sai.

câu 43: cơ quan nhà nước nào có thẩm quyền ban hành luật ở việt nam?

- a. chỉ có quốc hội mới có thẩm quyền ban hành luật
- b. quốc hội có quyền ban hành luật ở trung ương và hội đồng nhân dân có quyền ban hành luật ở địa phương.
- c. tất cả các cơ quan nhà nước đều có quyền ban hành luật liên quan đến lĩnh vực mình phụ trách.
- d. cả ba nhận định trên đều sai.

câu 44: bộ máy nhà nước việt nam được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc nào?

- a. chỉ theo nguyên tắc tập trung dân chủ
- b. chỉ theo nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa
- c. chỉ theo nguyên tắc đảng lãnh đạo
- d. phải theo cả ba nguyên tắc trên.

câu 45: tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước việt nam theo nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa được hiểu như thế nào?

- a. cơ quan nhà nước và cán bộ, công chức nhà nước được làm tất cả những gì mà pháp luật không cấm
- b. cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức nhà nước khi thực thi công vụ chỉ được làm những gì mà pháp luật cho phép
- c. cơ quan nhà nước và cán bộ, công chức nhà nước được phép thực hiện tất cả các hoạt động nếu có lợi cho nhà nước.
- d. cả ba nhận định trên đều sai.

câu 46: cơ quan nào sau đây là cơ quan quản lý nhà nước?

- a. văn phòng quốc hội
- b. văn phòng chủ tịch nước
- c. văn phòng chính phủ
- d. viện nghiên cứu nhà nước và pháp luật
- e. cả bốn cơ quan nêu trên đều là cơ quan quản lý nhà nước.

câu 47: uỷ ban nhân dân được tổ chức ở các cấp nào?

- a. được tổ chức ở bốn cấp: trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã
- b. **được tổ chức ở ba cấp: cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã**
- c. được tổ chức ở hai cấp: cấp tỉnh và cấp huyện
- d. được tổ chức ở hai cấp: cấp trung ương và cấp tỉnh

câu 48: toà án nhân dân được tổ chức ở cấp nào?

- a. được tổ chức ở bốn cấp: toà án nhân dân tối cao, toà án nhân dân cấp tỉnh, toà án nhân dân cấp huyện và toà án nhân dân cấp xã
- b. được tổ chức ở hai cấp: toà án nhân dân tối cao và toà án nhân dân cấp tỉnh
- c. **được tổ chức ở ba cấp: toà án nhân dân tối cao, toà án nhân dân cấp tỉnh và toà án nhân dân cấp huyện**
- d. được tổ chức ở hai cấp: toà án nhân dân cấp tỉnh và toà án nhân dân cấp huyện

câu 49: viện kiểm sát nhân dân được tổ chức ở cấp nào?

- a. được tổ chức ở bốn cấp: viện kiểm sát nhân dân tối cao, viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, viện kiểm sát nhân dân cấp huyện và viện kiểm sát nhân dân cấp xã
- b. được tổ chức ở hai cấp: viện kiểm sát nhân dân tối cao và viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh
- c. **được tổ chức ở ba cấp: viện kiểm sát nhân dân tối cao, viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và viện kiểm sát nhân dân cấp huyện**
- d. được tổ chức ở hai cấp: viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và viện kiểm sát nhân dân cấp huyện

câu 50: hội đồng nhân dân được tổ chức ở cấp nào?

- a. được tổ chức ở bốn cấp: trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã
- b. **được tổ chức ở ba cấp: cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã**
- c. được tổ chức ở hai cấp: cấp tỉnh và cấp huyện
- d. được tổ chức ở hai cấp: cấp trung ương và cấp tỉnh
- e. được tổ chức ở cấp xã

câu 51: hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân có quan hệ như thế nào?

- a. uỷ ban nhân dân là cơ quan chấp hành của hội đồng nhân dân
- b. uỷ ban nhân dân là đơn vị nằm trong cơ cấu của hội đồng nhân dân
- c. hội đồng nhân dân là đơn vị nằm trong cơ cấu của uỷ ban nhân dân
- d. cả ba nhận định trên đều sai.

câu 52: quốc hội và chính phủ có mối quan hệ như thế nào?

- a. chính phủ là cơ quan chấp hành của quốc hội
- b. chính phủ là đơn vị nằm trong cơ cấu tổ chức của quốc hội
- c. quốc hội là đơn vị nằm trong cơ cấu của chính phủ
- d. cả ba nhận định trên đều sai.

câu 53: viện kiểm sát nhân dân và toà án nhân dân có mối quan hệ như thế nào?

- a. viện kiểm sát nhân dân nằm trong cơ cấu tổ chức của toà án nhân dân
- b. toà án nhân dân nằm trong cơ cấu tổ chức của viện kiểm sát nhân dân
- c. viện kiểm sát nhân dân có chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động xét xử của toà án nhân dân
- e. cả ba nhận định trên đều sai.

câu 54: quốc hội và viện kiểm sát nhân dân có quan hệ như thế nào?

- a. quốc hội và viện kiểm sát nhân dân là các cơ quan độc lập, không có quan hệ gì với nhau
- b. viện kiểm sát nhân dân là do quốc hội thành lập, chịu sự giám sát của quốc hội, viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tối cao phải là đại biểu quốc hội
- c. quốc hội không thành lập viện kiểm sát nhân dân mà chỉ giám sát hoạt động của viện kiểm sát nhân dân
- d. quốc hội chỉ thành lập viện kiểm sát nhân dân chứ không giám sát hoạt động của viện kiểm sát nhân dân nhằm đảm bảo tính độc lập của viện kiểm sát nhân dân

câu 55: hoạt động nào sau đây thuộc chức năng của viện kiểm sát nhân dân?

- a. hoạt động truy tố kẻ phạm tội ra trước toà án
- b. hoạt động xét xử kẻ phạm tội
- c. hoạt động điều tra xác định kẻ phạm tội
- d. cả ba hoạt động trên đều thuộc chức năng của viện kiểm sát nhân dân

câu 56: hoạt động nào sau đây thuộc chức năng của toà án nhân dân?

- a. hoạt động truy tố kẻ phạm tội ra trước toà án
- b. hoạt động xét xử kẻ phạm tội
- c. hoạt động điều tra xác định kẻ phạm tội
- d. hoạt động thu thập chứng cứ về vụ án
- e. cả bốn hoạt động trên đều thuộc chức năng của toà án nhân dân

câu 57: hoạt động nào sau đây thuộc thẩm quyền của quốc hội?

- a. hoạt động ban hành hiến pháp và các đạo luật
- b. hoạt động hướng dẫn thi hành các văn bản pháp luật
- c. hoạt động kiểm tra kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật
- d. cả ba hoạt động nêu trên đều thuộc thẩm quyền của quốc hội.

câu 58: hoạt động nào sau đây là hoạt động quản lý nhà nước?

- a. hoạt động điều tra vụ án hình sự
- b. hoạt động công tố tại phiên toà
- c. hoạt động xét xử tại phiên toà
- d. hoạt động xử phạt vi phạm hành chính đối với người có hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường
- e. hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại

câu 59: chủ thể nào sau đây không phải là cơ quan trong bộ máy nhà nước?

- a. ban chấp hành trung ương đảng
- b. thanh tra bộ tài chính
- c. thanh tra chính phủ

d. thanh tra ngân hàng nhà nước

câu 60: loại văn bản nào sau đây không phải là văn bản pháp luật?

- a. pháp lệnh của uỷ ban thường vụ quốc hội
- b. nghị định của chính phủ
- c. thông tư của bộ, cơ quan ngang bộ

d. nghị quyết của bộ chính trị ban chấp hành trung ương đảng

câu 61: bộ máy nhà nước tư sản và bộ máy nhà nước xã hội chủ nghĩa có điểm khác nhau như thế nào?

- a. bộ máy nhà nước tư sản không có cơ quan thực hành quyền công tố còn bộ máy nhà nước xã hội chủ nghĩa có cơ quan này
- b. bộ máy nhà nước tư sản không tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc pháp chế còn bộ máy nhà nước xã hội chủ nghĩa thì luôn tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc này.
- c. bộ máy nhà nước tư sản được tổ chức theo nguyên tắc phân chia quyền lực còn bộ máy nhà nước xã hội chủ nghĩa được tổ chức theo nguyên tắc tập trung quyền lực
- d. cả ba nhận định trên đều sai.

câu 62: cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất ở việt nam là cơ quan nào?

- a. chính phủ
- b. quốc hội
- c. chủ tịch nước
- d. chủ tịch quốc hội
- e. hội đồng nhân dân

câu 63: cơ quan hành chính nhà nước cao nhất ở việt nam là cơ quan nào?

- a. chính phủ
- b. văn phòng chính phủ
- c. uỷ ban nhân dân cấp tỉnh
- d. uỷ ban thường vụ quốc hội

câu 64: cơ quan xét xử cao nhất ở việt nam là cơ quan nào?

- a. quốc hội
- b. chính phủ
- c. hội đồng thẩm phán toà án nhân dân tối cao
- d. chánh án toà án nhân dân tối cao

câu 65: hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân có quan hệ như thế nào?

- a. uỷ ban nhân dân do hội đồng nhân dân bầu
- b. uỷ ban nhân dân trực thuộc hội đồng nhân dân
- c. uỷ ban nhân dân hoàn toàn độc lập với hội đồng nhân dân
- d. cả ba nhận định trên đều sai.

câu 66: chủ thể nào sau đây là người đứng đầu cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất?

- a. chủ tịch quốc hội
- b. chủ tịch nước
- c. thủ tướng chính phủ
- d. chánh án toà án nhân dân tối cao

câu 67: chủ thể nào sau đây là người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước cao nhất?

- a. chủ tịch nước
- b. thủ tướng chính phủ
- c. chủ tịch quốc hội
- d. viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tối cao

câu 68: chủ thể nào sau đây là người đứng đầu cơ quan xét xử?

- a. viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tối cao
- b. chủ tịch nước
- c. chủ tịch quốc hội

d. chánh án toà án nhân dân tối cao

câu 69: chủ thể nào sau đây là người đứng đầu cơ quan thực hành quyền công tố?

- a. viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tối cao
- b. chánh án toà án nhân dân tối cao
- c. thủ tướng chính phủ
- d. chủ tịch nước
- e. chủ tịch quốc hội

câu 70: toà án nhân dân được tổ chức ở cấp nào?

- a. chỉ tổ chức ở cấp trung ương
- b. chỉ tổ chức ở cấp trung ương và cấp tỉnh
- c. chỉ tổ chức ở cấp tỉnh và cấp huyện
- d. tổ chức ở ba cấp: toà án nhân dân tối cao, toà án nhân dân cấp tỉnh, toà án nhân dân cấp huyện.

câu 71: viện kiểm sát nhân dân được tổ chức ở cấp nào?

- a. chỉ tổ chức ở cấp trung ương
- b. chỉ tổ chức ở cấp trung ương và cấp tỉnh
- c. chỉ tổ chức ở cấp tỉnh và cấp huyện
- d. tổ chức ở ba cấp: viện kiểm sát nhân dân tối cao, viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, viện kiểm sát nhân dân cấp huyện

câu 72: pháp luật xuất hiện từ khi nào?

- a. khi có sự xuất hiện loài người và có quan hệ giữa người với người trong xã hội
- b. khi có quan hệ trao đổi sản phẩm hàng hoá
- c. khi nhà nước ra đời thì pháp luật cũng xuất hiện
- d. khi có sự xuất hiện đồng tiền
- e. cả bốn nhận định trên đều sai.

câu 73: bản chất giai cấp của pháp luật được hiểu như thế nào?

- a. pháp luật là sự thể hiện ý chí của giai cấp thống trị, nhằm bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị
- b. pháp luật là khuôn mẫu, quy tắc xử sự đối với mọi công dân
- c. pháp luật phản ánh các quy luật khách quan của đời sống kinh tế, xã hội
- d. cả ba cách hiểu trên đều sai

câu 74: đặc điểm nào sau đây không phải là thuộc tính của pháp luật?

- a. tính quy phạm phổ biến
- b. tính phù hợp với quy luật khách quan
- c. tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức
- d. tính được đảm bảo bằng nhà nước.

câu 75: pháp luật tồn tại trong điều kiện xã hội như thế nào?

- a. trong bất kỳ hình thái kinh tế xã hội nào cũng tồn tại pháp luật
- b. pháp luật chỉ tồn tại trong chế độ xã hội có người bóc lột người
- c. pháp luật chỉ tồn tại khi xã hội có sự phân chia thành giai cấp
- d. cả ba nhận định trên đều sai.

câu 76: trong lịch sử đã xuất hiện những kiểu pháp luật gì?

- a. pháp luật chủ nô, pháp luật phong kiến và pháp luật tư sản
- b. pháp luật chủ nô, pháp luật phong kiến
- c. pháp luật tư sản, pháp luật phong kiến
- d. pháp luật chủ nô, pháp luật phong kiến, pháp luật tư sản và pháp luật xã hội chủ nghĩa
- e. pháp luật cộng sản nguyên thuỷ

câu 77: kiểu pháp luật nào là kiểu pháp luật xuất hiện sớm nhất trong lịch sử?

- a. kiểu pháp luật cộng sản nguyên thuỷ
- b. kiểu pháp luật chủ nô

- c. kiểu pháp luật phong kiến
- d. kiểu pháp luật tư sản

câu 78: pháp luật và chính trị có điểm gì giống nhau?

- a. đều là các quy tắc xử sự do nhà nước ban hành hoặc được nhà nước thừa nhận
- b. đều là các quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung
- c. **đều là các quy tắc xử sự, điều chỉnh quan hệ giữa người với người trong xã hội.**
- d. đều được bảo đảm thực hiện bằng sự cưỡng chế của nhà nước.

câu 79: pháp luật và đạo đức có điểm gì khác nhau?

- a. pháp luật điều chỉnh quan hệ xã hội còn đạo đức thì không điều chỉnh quan hệ xã hội.
- b. **pháp luật mang tính bắt buộc chung còn đạo đức thì không mang tính bắt buộc chung.**
- c. pháp luật là quy tắc xử sự của con người trong xã hội còn đạo đức không phải là quy tắc xử sự của con người trong xã hội.
- d. cả ba nhận định trên đều sai.

câu 80: pháp luật có quan hệ như thế nào với cơ sở kinh tế?

- a. cơ sở kinh tế là yếu tố quyết định sự ra đời và phát triển của pháp luật.
- b. pháp luật chỉ phản ánh một cách thụ động cơ sở kinh tế
- c. sự tồn tại của pháp luật hoàn toàn không phụ thuộc gì vào cơ sở kinh tế
- d. pháp luật là yếu tố có vai trò quyết định đối với sự phát triển của nền kinh tế.**

câu 81: vai trò, giá trị xã hội của pháp luật được biểu hiện như thế nào?

- a. pháp luật phải thể hiện ý chí bảo vệ lợi ích của tất cả các thành viên trong xã hội
- b. pháp luật phải điều chỉnh được tất cả các quan hệ phát sinh trong đời sống xã hội
- c. pháp luật là đại lượng chung phổ biến, là đại lượng công bằng cho tất cả những người có địa vị khác nhau trong xã hội
- d. cả ba nhận định trên đều sai.**

câu 82: nhà nước và pháp luật có mối quan hệ như thế nào?

- a. pháp luật là công cụ duy nhất của nhà nước để quản lý xã hội
- b. nhà nước ban hành pháp luật và sử dụng pháp luật để quản lý xã hội, đồng thời nhà nước bảo đảm cho pháp luật được thực hiện trên thực tế**
- c. nhà nước và pháp luật là hai hiện tượng có tính độc lập, không có quan hệ với nhau
- d. cả ba nhận định trên đều sai

câu 83: nhà nước bảo đảm cho pháp luật được thực hiện bằng những biện pháp như thế nào?

- a. chỉ bằng biện pháp cưỡng chế nhà nước mới bảo đảm cho pháp luật được thực hiện.
- b. nhà nước bóc lột thô áp dụng biện pháp cưỡng chế còn nhà nước xã hội chủ nghĩa thì chỉ áp dụng biện pháp giáo dục, thuyết phục, không áp dụng biện pháp cưỡng chế.
- c. phải kết hợp nhiều biện pháp: giáo dục, thuyết phục, khuyến khích và cưỡng chế bắt buộc**
- d. cả ba nhận định trên đều sai.

câu 85: pháp luật và chính trị có mối quan hệ như thế nào?

- a. pháp luật không có quan hệ với chính trị
- b. chính trị luôn có vai trò chỉ đạo đối với pháp luật
- c. chính trị và pháp luật là hai phạm trù đồng nhất với nhau
- d. cả ba nhận định trên đều sai**

câu 86: sự ra đời của nhà nước và pháp luật có mối liên hệ như thế nào?

- a. nhà nước xuất hiện trước khi có sự xuất hiện của pháp luật
- b. pháp luật tồn tại trước khi có nhà nước để điều chỉnh các quan hệ xã hội
- c. nhà nước và pháp luật là hai hiện tượng xuất hiện đồng thời và do cùng một nguyên nhân**
- d. tùy từng quốc gia mà nhà nước có trước hoặc pháp luật có trước.

câu 87: dấu hiệu nào sau đây không phải là đặc điểm của quy phạm pháp luật?

- a. là quy tắc xử sự do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận

- b. là quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung
- c. được đảm bảo thực hiện bằng nhà nước
- d. là quy tắc xử sự tồn tại từ lâu đời được cộng đồng xã hội thừa nhận

câu 88: biện pháp nào sau đây không phải là biện pháp cưỡng chế nhà nước?

- a. phạt tiền do vi phạm hợp đồng kinh doanh, thương mại
- b. phạt tiền do vi phạm quy định về an toàn giao thông
- c. phạt tiền do vi phạm quy định của bộ luật hình sự
- d. cả ba biện pháp trên đều là biện pháp cưỡng chế nhà nước.

câu 89: pháp luật có những chức năng gì?

- a. chỉ có chức năng điều chỉnh
- b. chỉ có chức năng giáo dục
- c. **có cả chức năng điều chỉnh và chức năng giáo dục**
- d. chỉ có chức năng phản ánh

câu 90: pháp luật và pháp chế có mối quan hệ như thế nào?

- a. pháp luật và pháp chế là hai phạm trù đồng nhất với nhau
- b. pháp luật là tiền đề của pháp chế còn pháp chế là phương tiện để bảo đảm cho pháp luật được thực hiện
- c. pháp luật và pháp chế là hai phạm trù độc lập, không có quan hệ với nhau
- d. tình trạng pháp chế không phụ thuộc vào pháp luật mà chỉ phụ thuộc vào ý thức pháp luật

câu 91: sự nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật vừa công dân được hiểu như thế nào?

- a. là được làm tất cả những gì mà pháp luật không cấm
- b. **là chỉ được làm những gì mà pháp luật cho phép**
- c. là trong mọi xử sự của công dân đều chỉ chịu sự điều chỉnh của pháp luật
- d. cả ba nhận định trên đều sai.

câu 92: loại quy tắc xử sự nào sau đây là quy phạm pháp luật?

- a. các chuẩn mực ứng xử chung giữa người với người trong đời sống xã hội được cộng đồng thừa nhận và tôn trọng.
- b. những thói quen được hình thành từ lâu đời, được cộng đồng thừa nhận
- c. những quy tắc xử sự bắt buộc trong các tôn giáo
- d. **những quy tắc xử sự được nhà nước ban hành hoặc thừa nhận và bảo đảm thực hiện.**

câu 93: quy phạm pháp luật được cấu thành bởi các bộ phận nào?

- a. chỉ gồm hai bộ phận bắt buộc là "quy định" và "chế tài"
- b. chỉ gồm hai bộ phận bắt buộc là "giả định" và "chế tài"
- c. chỉ gồm hai bộ phận bắt buộc là "giả định" và "quy định"
- d. **phải gồm ba bộ phận là "giả định", "quy định" và "chế tài"**

câu 94: bộ phận "giả định" có ý nghĩa như thế nào trong quy phạm pháp luật?

- a. xác định chủ thể, điều kiện, hoàn cảnh chịu sự tác động của quy phạm pháp luật.
- b. xác định cách xử sự của các chủ thể pháp luật khi tham gia vào quan hệ xã hội
- c. xác định biện pháp xử lý đối với chủ thể vi phạm pháp luật
- d. tùy từng trường hợp mà có một trong các ý nghĩa nêu trên.

câu 95: bộ phận "quy định" có ý nghĩa như thế nào trong quy phạm pháp luật?

- a. xác định chủ thể, điều kiện, hoàn cảnh chịu sự tác động của quy phạm pháp luật.
- b. **xác định cách xử sự của các chủ thể pháp luật khi tham gia vào quan hệ xã hội**
- c. xác định biện pháp xử lý đối với chủ thể vi phạm pháp luật
- d. tùy từng trường hợp mà có một trong các ý nghĩa nêu trên.

câu 96: bộ phận "chế tài" có ý nghĩa như thế nào trong quy phạm pháp luật?

- a. xác định chủ thể, điều kiện, hoàn cảnh chịu sự tác động của quy phạm pháp luật.
- b. xác định cách xử sự của các chủ thể pháp luật khi tham gia vào quan hệ xã hội
- c. **xác định biện pháp xử lý đối với chủ thể vi phạm pháp luật**
- d. tùy từng trường hợp mà có một trong các ý nghĩa nêu trên.

câu 97: quy phạm pháp luật bao gồm những loại nào?

- a. chỉ có một loại là "quy phạm bắt buộc"
- b. chỉ có một loại là "quy phạm cấm đoán"
- c. chỉ có một loại là "quy phạm lựa chọn"
- d. có thể bao gồm tất cả các loại quy phạm nêu trên.

câu 98: "quy phạm bắt buộc" là quy phạm như thế nào?

- a. là loại quy phạm mà nó đặt ra một việc cụ thể và buộc các chủ thể khi tham gia vào quan hệ pháp luật phải làm việc đó
- b. là loại quy phạm mà nó đặt ra một việc cụ thể và cấm các chủ thể khi tham gia vào quan hệ pháp luật làm việc đó
- c. là loại quy phạm mà nó đặt ra một việc cụ thể và cho phép các chủ thể khi tham gia vào quan hệ pháp luật có quyền lựa chọn làm hoặc không làm việc đó.
- d. cả ba nhận định trên đều sai.

câu 99: "quy phạm cấm đoán" là quy phạm như thế nào?

- a. là loại quy phạm mà nó đặt ra một việc cụ thể và buộc các chủ thể khi tham gia vào quan hệ pháp luật phải làm việc đó
- b. là loại quy phạm mà nó đặt ra một việc cụ thể và cấm các chủ thể khi tham gia vào quan hệ pháp luật làm việc đó
- c. là loại quy phạm mà nó đặt ra một việc cụ thể và cho phép các chủ thể khi tham gia vào quan hệ pháp luật có quyền lựa chọn làm hoặc không làm việc đó.
- d. cả ba nhận định trên đều sai.

câu 100: "quy phạm lựa chọn" là quy phạm như thế nào?

- a. là loại quy phạm mà nó đặt ra một việc cụ thể và buộc các chủ thể khi tham gia vào quan hệ pháp luật phải làm việc đó
- b. là loại quy phạm mà nó đặt ra một việc cụ thể và cấm các chủ thể khi tham gia vào quan hệ pháp luật làm việc đó
- c. là loại quy phạm mà nó đặt ra một việc cụ thể và cho phép các chủ thể khi tham gia vào quan hệ pháp luật có quyền lựa chọn làm hoặc không làm việc đó.
- d. cả ba nhận định trên đều sai.

câu 101: chế tài của quy phạm pháp luật bao gồm những loại nào?

- a. chỉ có một loại "chế tài hình sự"
- b. chỉ có một loại "chế tài vật chất"
- c. chỉ có một loại "chế tài kỹ luật"
- d. có cả ba loại chế tài nêu trên.

câu 102: "chế tài hình sự" được hiểu như thế nào?

- a. là biện pháp cưỡng chế nhà nước chỉ được quy định trong bộ luật hình sự
- b. là biện pháp cưỡng chế nhà nước có thể được quy định trong tất cả các văn bản pháp luật
- c. là biện pháp cưỡng chế nhà nước có thể được quy định trong tất cả các đạo luật do quốc hội ban hành
- d. cả ba nhận định trên đều sai.

câu 103: "chế tài hình sự" được áp dụng đối với loại vi phạm pháp luật nào?

- a. được áp dụng đối với tất cả các loại vi phạm pháp luật
- b. chỉ được áp dụng đối với vi phạm pháp luật là tội phạm
- c. được áp dụng đối với tội phạm và vi phạm hành chính
- d. chỉ áp dụng đối với vi phạm hành chính

câu 104: biện pháp nào sau đây không phải là chế tài hình sự?

- a. bồi thường thiệt hại
- b. phạt tiền
- c. cải tạo không giam giữ

- d. phạt tù
- e. tử hình

câu 105: quan hệ pháp luật phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt khi có điều kiện gì?

- a. chỉ cần có chủ thể tham gia quan hệ và chủ thể đó có đủ năng lực chủ thể
- b. chỉ cần có quy phạm pháp luật điều chỉnh
- c. chỉ cần có sự kiện pháp lý**
- d. phải có đủ cả ba điều kiện trên.

câu 106: chủ thể của quan hệ pháp luật là gì?

- a. là tất cả các tổ chức, cá nhân tham gia vào quan hệ pháp luật
- b. là các tổ chức, cá nhân tham gia vào quan hệ pháp luật, trong đó phải có ít nhất một bên là cơ quan nhà nước có thẩm quyền
- c. là các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực chủ thể theo quy định của pháp luật, tham gia vào quan hệ pháp luật**
- d. bất kỳ người nào cũng là chủ thể của quan hệ pháp luật.

câu 107: “năng lực chủ thể” của chủ thể trong quan hệ pháp luật được hiểu như thế nào?

- a. chỉ cần có năng lực pháp luật là có đủ năng lực chủ thể
- b. chỉ cần có năng lực hành vi là có đủ năng lực chủ thể
- c. chỉ cần có năng lực pháp luật hoặc có năng lực hành vi là có đủ năng lực chủ thể
- d. phải có đủ cả năng lực pháp luật và năng lực hành vi mới có đủ năng lực chủ thể**

câu 108: “năng lực pháp luật” của chủ thể trong quan hệ pháp luật được hiểu như thế nào?

- a. là khả năng của chủ thể được pháp luật quy định để được tham gia vào quan hệ pháp luật đó.**
- b. là khả năng của chủ thể bằng chính hành vi của mình để tham gia vào quan hệ pháp luật đó
- c. là khả năng của chủ thể được pháp luật quy định và bằng chính hành vi của mình để tham gia vào quan hệ pháp luật đó
- d. cả ba nhận định trên đều sai

câu 109: “năng lực hành vi” của chủ thể trong quan hệ pháp luật được hiểu như thế nào?

- a. là khả năng của chủ thể được pháp luật quy định để được tham gia vào quan hệ pháp luật đó.
- b. là khả năng của chủ thể bằng chính hành vi của mình để tham gia vào quan hệ pháp luật đó**
- c. là khả năng của chủ thể được pháp luật quy định và bằng chính hành vi của mình để tham gia vào quan hệ pháp luật đó
- d. cả ba nhận định trên đều sai.

câu 110: “năng lực pháp luật” của chủ thể trong quan hệ pháp luật phụ thuộc vào yếu tố nào sau đây?

- a. phụ thuộc vào quan điểm đạo đức
- b. phụ thuộc vào phong tục tập quán
- c. phụ thuộc vào trình độ văn hóa
- d. phụ thuộc vào pháp luật của từng quốc gia**

câu 111: “năng lực hành vi” của chủ thể trong quan hệ pháp luật phụ thuộc vào yếu tố nào sau đây?

- a. phụ thuộc vào pháp luật của từng quốc gia
- b. phụ thuộc vào truyền thống văn hóa dân tộc của từng quốc gia
- c. phụ thuộc vào độ tuổi, tình trạng sức khoẻ, trình độ của chủ thể**
- d. phụ thuộc vào hoàn cảnh kinh tế của chủ thể.

câu 112: căn cứ vào cách quy định quyền avf nghĩa vụ thì quan hệ pháp luật bao gồm những loại nào?

- a. chỉ có một loại là quan hệ pháp luật song vụ
- b. chỉ có một loại là quan hệ pháp luật đơn vụ
- c. có cả hai loại là quan hệ pháp luật song vụ và quan hệ pháp luật đơn vụ.
- d. có ba loại là quan hệ pháp luật song vụ, quan hệ pháp luật đơn vụ và quan hệ pháp luật mà không**

làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

câu 113: căn cứ vào cơ cấu chủ thể thì quan hệ pháp luật bao gồm những loại nào?

- a. chỉ có một loại là quan hệ pháp luật song phương (hai bên)
- b. chỉ có một loại là quan hệ pháp luật đa phương (nhiều bên)
- c. **có cả hai loại là quan hệ pháp luật song phương và quan hệ pháp luật đa phương**
- d. cả ba nhận định trên đều sai.

câu 114: “quan hệ pháp luật song vụ” được hiểu như thế nào?

- a. **là chỉ có hai bên chủ thể tham gia quan hệ đó**
- b. là quan hệ pháp luật mà tất cả các bên tham gia quan hệ đều có quyền và nghĩa vụ, quyền và nghĩa vụ của các bên tương xứng với nhau
- c. là quan hệ pháp luật chỉ có hai bên chủ thể trong đó chỉ một bên có quyền và một bên có nghĩa vụ
- d. là quan hệ pháp luật có ba chủ thể tham gia trong đó có một bên có quyền và hai bên có nghĩa vụ.

câu 115: quan hệ pháp luật nào sau đây là “quan hệ pháp luật đơn vụ”?

- a. **quan hệ bồi thường thiệt hại giữa bên vi phạm và bên bị vi phạm**
- b. quan hệ mua bán hàng hoá giữa người mua và người bán
- c. quan hệ pháp luật giáo dục giữa người học và giáo viên
- d. cả ba loại quan hệ trên đều là quan hệ pháp luật đơn vụ

câu 116: căn cứ vào tư cách chủ thể thì quan hệ pháp luật bao gồm những loại nào?

- a. chỉ có một loại là quan hệ bình đẳng
- b. chỉ có một loại là quan hệ bất bình đẳng
- c. **có hai loại là quan hệ bình đẳng và quan hệ bất bình đẳng**
- d. **có ba loại là quan hệ bình đẳng, quan hệ bất bình đẳng và quan hệ nội bộ.**

câu 117: quan hệ pháp luật nào sau đây là quan hệ có tính chất mệnh lệnh?

- a. quan hệ hợp đồng trong kinh doanh, thương mại
- b. quan hệ tặng cho tài sản
- c. quan hệ thừa kế tài sản
- d. **quan hệ về cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.**

câu 118: trong các quan hệ pháp luật sau đây, quan hệ nào là quan hệ pháp luật dân sự?

- a. quan hệ về cấp giấy đăng ký kết hôn
- b. quan hệ về bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng
- c. quan hệ về xử phạt vi phạm hành chính
- d. quan hệ về kỷ luật cán bộ, công chức nhà nước.

câu 119: quan hệ pháp luật nào sau đây là quan hệ pháp luật hành chính?

- a. quan hệ về tuyển dụng và sử dụng lao động vào làm việc trong các cơ quan nhà nước theo chế độ hợp đồng lao động.
- b. **quan hệ về kỷ luật buộc thôi việc cán bộ, công chức nhà nước vi phạm pháp luật.**
- c. quan hệ về giải quyết tranh chấp về hợp đồng lao động
- d. cả ba loại quan hệ nêu trên đều không phải là quan hệ pháp luật hành chính.

câu 120: công dân a có hành vi cố ý gây thương tích, người bị gây thương tích là công dân b. công dân a (bị cáo) đã bị truy tố ra tòa án để xét xử. xác định chủ thể của quan hệ pháp luật hình sự trong vụ án nêu trên?

- a. chủ thể của quan hệ pháp luật hình sự là nhà nước và bị cáo a.
- b. chủ thể của quan hệ pháp luật hình sự là bị cáo a và người bị hại b
- c. **chủ thể của quan hệ pháp luật hình sự là nhà nước, bị cáo a và người bị hại b.**
- d. cả ba nhận định trên đều sai.

câu 121: doanh nghiệp a và doanh nghiệp b ký kết hợp đồng mua bán hàng hoá với nhau. doanh nghiệp a vi phạm hợp đồng. doanh nghiệp b đã khởi kiện ra tòa án để yêu cầu tòa án bảo vệ quyền lợi cho mình. tòa án đã xét xử vụ kiện và quyết định doanh nghiệp a phải bồi thường thiệt hại cho doanh nghiệp b số tiền là 100 triệu đồng. xác định biện pháp bồi thường thiệt hại nêu trên là loại chế tài pháp luật gì?

- a. là chế tài kỷ luật
- b. là chế tài hành chính
- c. là **chế tài dân sự**
- d. là chế tài hính sự.

câu 122: quan hệ pháp luật hình sự là quan hệ phát sinh giữa các chủ thể nào?

- a. giữa người phạm tội và người bị hành vi phạm tội xâm hại (người bị hại)
- b. giữa nhà nước và người phạm tội
- c. **giữa nhà nước, kẻ phạm tội và người bị hại**
- d. giữa nhà nước và người bị hại được pháp luật hình sự bảo vệ.

câu 123: nguồn của pháp luật bao gồm những loại nguồn nào?

- a. chỉ có “tập quán pháp” mới là nguồn của pháp luật
- b. chỉ có “tiên lệ pháp” mới là nguồn của pháp luật
- c. chỉ có văn bản quy phạm pháp luật mới là nguồn của pháp luật
- d. tùy theo từng quốc gia mà có thể bao gồm cả ba loại nguồn pháp luật nêu trên.

câu 124: văn bản nào sau đây không phải là nguồn của pháp luật ở việt nam?

- a. hiến pháp của nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa việt nam năm 1992
- b. nghị định của chính phủ
- c. bản án, quyết định của tòa án nhân dân
- d. quyết định của uỷ ban nhân dân
- e. quyết định của thủ tướng chính phủ

câu 125: loại văn bản nào sau đây là “văn bản pháp luật”?

- a. **hiến pháp của nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa việt nam năm 1992**
- b. pháp lệnh của uỷ ban thường vụ quốc hội
- c. nghị định của chính phủ
- d. quyết định của thủ tướng chính phủ
- e. quy chế nghiệp vụ của các ngân hàng

câu 126: loại văn bản nào sau đây là “văn bản dưới luật”?

- a. luật doanh nghiệp năm 2005
- b. nghị quyết của uỷ ban thường vụ quốc hội
- c. hiến pháp của nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa việt nam năm 1992
- d. bộ luật tố tụng dân sự năm 2004
- e. bộ luật dân sự năm 2005

câu 127: uỷ ban nhân dân địa phương có quyền ban hành loại văn bản pháp luật nào?

- a. được ban hành tất cả các loại văn bản pháp luật để áp dụng ở địa phương
- b. **chỉ được ban hành quyết định**
- c. được ban hành nghị định và quyết định
- d. chỉ được ban hành nghị quyết

câu 128: nghị quyết của hội đồng nhân dân cấp tỉnh và quyết định của uỷ ban nhân dân cấp tỉnh thì văn bản nào có hiệu lực pháp lý cao hơn?

- a. **nghị quyết của hội đồng nhân dân**
- b. quyết định của uỷ ban nhân dân
- c. hai văn bản có hiệu lực pháp lý ngang nhau
- d. cả ba nhận định trên đều sai

câu 129: hiệu lực pháp lý câu “đạo luật” và “bộ luật” được xác định như thế nào?

- a. bộ luật có hiệu lực pháp lý cao hơn so với đạo luật
- b. đạo luật có hiệu lực pháp lý cao hơn so với bộ luật
- c. cả hai loại văn bản đều có hiệu lực pháp lý ngang nhau
- d. cả hai loại văn bản đều có hiệu lực pháp lý cao hơn so với hiến pháp

câu 130: văn bản nào sau đây là văn bản áp dụng pháp luật?

- a. bộ luật dân sự năm 2005
- b. bộ luật tố tụng dân sự năm 2004
- c. pháp lệnh xử lý các vi phạm hành chính
- d. quyết định xử phạt vi phạm hành chính

câu 131: khái niệm “hệ thống pháp luật” được hiểu như thế nào?

- a. là tất cả các văn bản pháp luật do nhà nước ban hành
- b. là tổng hợp các quy phạm pháp luật trong cùng một ngành luật
- c. là tổng hợp các quy phạm pháp luật trong cùng một chế định pháp luật
- d. là tổng hợp các quy phạm pháp luật có mối quan hệ thống nhất, nội tại với nhau được sắp xếp theo một trình tự gồm các ngành luật, các chế định pháp luật, phù hợp với tính chất, nội dung của các quan hệ xã hội mà nó điều chỉnh.

câu 132: các tiêu chuẩn để đánh giá mức độ hoàn thiện của hệ thống pháp luật là gì?

- a. chỉ cần đáp ứng một tiêu chuẩn là “tính toàn diện”
- b. chỉ cần đáp ứng một tiêu chuẩn là “tính khách quan”
- c. chỉ cần đáp ứng một tiêu chuẩn là “tính thống nhất, khoa học”
- d. phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn là: tính toàn diện, tính khách quan, tính thống nhất, khoa học và đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật lập pháp.

câu 133: như thế nào là “tính khách quan” của hệ thống pháp luật?

- a. là phải có đủ các ngành luật, các chế định pháp luật, các quy phạm pháp luật
- b. là phải thống nhất, không có sự chồng chéo, mâu thuẫn giữa các quy định pháp luật
- c. là phản ánh đúng các quy luật vận động của đời sống kinh tế, xã hội
- d. là phản ánh đầy đủ các quy luật vận động của đời sống kinh tế, xã hội.

câu 134: như thế nào là “tính toàn diện” của hệ thống pháp luật?

- a. là phải có đủ các ngành luật, các chế định pháp luật, các quy phạm pháp luật, không xảy ra tình trạng “thừa luật” hoặc “thiếu luật”
- b. là phải thống nhất, không có sự chồng chéo, mâu thuẫn giữa các quy định pháp luật
- c. là phản ánh đúng các quy luật vận động của đời sống kinh tế, xã hội
- d. là phản ánh đầy đủ các quy luật vận động của đời sống kinh tế, xã hội

câu 135: khái niệm “pháp chế xã hội chủ nghĩa” được hiểu như thế nào?

- a. pháp chế xã hội chủ nghĩa chỉ là sự tuân thủ pháp luật trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước.
- b. pháp chế xã hội chủ nghĩa chỉ là sự tuân thủ pháp luật trong hành vi xử sự công dân.
- c. pháp chế xã hội chủ nghĩa chỉ là sự tuân thủ pháp luật trong tổ chức và hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội.
- d. pháp chế xã hội chủ nghĩa là sự tuân thủ pháp luật trong hành vi xử sự của tất cả các chủ thể pháp luật.

câu 136: để tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa cần phải thực hiện các biện pháp như thế nào?

- a. chỉ cần tăng cường hoạt động xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật.
- b. chỉ cần tăng cường hoạt động tổ chức thực hiện pháp luật trên tất cả các lĩnh vực.
- c. chỉ cần tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm minh những hành vi vi phạm pháp luật.
- d. phải tăng cường và tiến hành đồng bộ tất cả các hoạt động nêu trên.

câu 137: cơ quan nào là cơ quan quyền lực nhà nước theo quy định của pháp luật Việt Nam?

- a. chỉ có Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước.
- b. tất cả các cơ quan trong bộ máy nhà nước đều là cơ quan quyền lực nhà nước.
- c. Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp là cơ quan quyền lực nhà nước.
- d. Quốc hội và Chính phủ là các cơ quan quyền lực nhà nước.

câu 138: cơ quan nhà nước nào có quyền tiến hành các hoạt động tư pháp?

- a. chỉ có Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân mới được tiến hành các hoạt động tư pháp.
- b. chỉ có Viện kiểm sát nhân dân và cơ quan điều tra mới được tiến hành các hoạt động tư pháp.
- c. chỉ có cơ quan điều tra mới được tiến hành các hoạt động tư pháp.

d. các cơ quan toà án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, cơ quan điều tra và cơ quan thi hành án đều được tiến hành các hoạt động tư pháp.

câu 139: cơ quan nào sau đây không được thực hiện chức năng quản lý nhà nước?

- a. uỷ ban nhân dân các cấp
- b. **toà án nhân dân các cấp**
- c. cơ quan tài chính các cấp
- d. cơ quan thanh tra các cấp, các ngành.

câu 140: công dân a có hành vi vận chuyển hàng không có giấy phép kinh doanh, đồng thời vi phạm luật giao thông, cảnh sát giao thông đã kiểm tra và quyết định xử phạt đối với công dân a như sau:

- phạt tiền 200.000 đồng đối với hành vi vi phạm luật giao thông.

- phạt tiền 500.000 đồng đối với hành vi vận chuyển hàng trái phép.

hỏi: quyết định xử phạt nói trên có vi phạm nguyên tắc pháp chế không?

- a. quyết định xử phạt là đúng pháp luật, không vi phạm nguyên tắc pháp chế.
- b. quyết định xử phạt là trái pháp luật, vi phạm pháp chế vì không đúng thẩm quyền.
- c. phần quyết định về xử phạt vi phạm luật giao thông là đúng thẩm quyền, còn phần quyết định xử phạt về hành vi vận chuyển hàng trái phép là vi phạm nguyên tắc pháp chế vì người ra quyết định không đúng thẩm quyền.
- d. phần quyết định về xử phạt vi phạm luật giao thông là vi phạm nguyên tắc pháp chế vì không đúng thẩm quyền, còn phần quyết định xử phạt về hành vi vận chuyển hàng trái phép là đúng.

câu 141: “pháp chế xã hội chủ nghĩa” và “dân chủ xã hội chủ nghĩa” có mối quan hệ như thế nào?

- a. pháp chế và dân chủ có mối quan hệ chặt chẽ, có pháp chế mới có dân chủ và ngược lại.
- b. pháp chế và dân chủ là hai phạm trù mâu thuẫn với nhau, pháp chế hạn chế quyền dân chủ.
- c. pháp chế và dân chủ là hai phạm trù độc lập, không có mối quan hệ với nhau.
- d. cả ba nhận định trên đều sai .

câu 142: cho biết các hình thức thực hiện pháp luật?

- a. gồm hai hình thức: tuân thủ pháp luật và chấp hành pháp luật.
- b. gồm hai hình thức: chấp hành pháp luật và sử dụng pháp luật.
- c. gồm ba hình thức: tuân thủ pháp luật, chấp hành pháp luật và sử dụng pháp luật.
- d. gồm bốn hình thức: tuân thủ pháp luật, chấp hành pháp luật và sử dụng pháp luật và áp dụng pháp luật.**

câu 143: như thế nào là tuân thủ pháp luật?

- a. là không làm những việc mà pháp luật cấm
- b. là phải thực hiện đúng các nghĩa vụ mà pháp luật quy định
- c. là thực hiện các quyền mà pháp luật quy định.
- d. cả ba hoạt động trên đều là tuân thủ pháp luật.**

câu 144: hoạt động “chấp hành pháp luật” được hiểu như thế nào?

- a. là không làm những việc mà pháp luật cấm
- b. là phải thực hiện đúng các nghĩa vụ mà pháp luật quy định
- c. là thực hiện các quyền mà pháp luật quy định
- d. cả ba hoạt động trên đều là tuân thủ pháp luật.**

câu 145: như thế nào là hoạt động “áp dụng pháp luật”?

- a. là hình thức thực hiện pháp luật mà chủ thể phải thực hiện đúng các nghĩa vụ mà pháp luật quy định.
- b. là hình thức thực hiện pháp luật trong đó phải có chủ thể là cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức cho các chủ thể khác thực hiện quy định của pl
- c. bất kỳ chủ thể nào cũng có thể tự mình áp dụng pl

câu 146. tính tổ chức quyền lực nhà nước của hoạt động áp dụng pl được biểu hiện như thế nào?

- a. hoạt động adpl phải do các chủ thể có đủ năng lực pl và năng lực hành vi tiến hành
- b. hoạt động adpl phải được tiến hành theo đúng trình tự, thủ tục nhất định;
- c. quyết định adpl phải được cơ quan nhà nước chấp thuận
- d. hoạt động adpl phải được tiến hành bởi các chủ thể nhân danh nhà nước và quyết định adpl mang tính bắt**

buộc, được nhà nước đảm bảo thực hiện.

câu 147. đặc điểm của hoạt động adpl?

- a. chỉ có một đặc điểm: là hoạt động có tính tổ chức, quyền lực nhà nước
- b. chỉ có một đặc điểm: là hoạt động phải được tiến hành theo trình tự, thủ tục do pháp quy định
- c. chỉ có một đặc điểm: là hoạt động đòi hỏi tính sáng tạo
- d. **có cả ba đặc điểm nêu trên**

câu 148. chủ thể nào có quyền adpl?

- a. chỉ có cơ quan nhà nước mới có quyền adpl
- b. chỉ có cán bộ, công chức nhà nước mới có quyền adpl
- c. chỉ có cơ quan nhà nước, công chức nhà nước và các chủ thể khác được nhà nước trao quyền mới có quyền adpl
- d. tất cả các chủ thể có đủ năng lực chủ thể đều có quyền adpl.

câu 149. khái niệm “ vi phạm pl ” được hiểu như thế nào?

- a. tất cả các hành vi trái với quy định của pháp luật đều là vi phạm pl;
- b. hành vi cứ làm xâm hại đến các quan hệ xã hội được pháp luật điều chỉnh và bảo vệ thì đó là vi phạm pl
- c. hành vi trái với quy định của pháp luật hình sự thì mới là vi phạm pl
- d. **hành vi trái pl, do người có đủ năng lực chủ thể thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, làm xâm hại đến các quan hệ xã hội được pháp luật điều chỉnh và bảo vệ, thì mới là vi phạm pl**

câu 150. mặt khách quan của vi phạm pl được hiểu như thế nào?

- a. chỉ có một dấu hiệu: vi phạm pl phải là một hành vi (hành động hoặc không hành động) của con người
- b. vi phạm pl phải là một hành vi (hành động hoặc không hành động) của con người và hành vi đó phải trái với quy định của pháp luật
- c. vi phạm pl phải được hiểu bằng xử sự “ không hành động ” của con người
- d. vi phạm pl phải được biểu hiện bằng một hành động cụ thể

câu 151 như thế nào là tội phạm?

- a. mọi hành vi gây nguy hiểm cho xã hội thì đều là tội phạm
- b. mọi hành vi vi phạm điều cấm của pháp luật đều là tội phạm
- c. **tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội, do người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện nhằm mục đích cố ý hoặc vô ý, trái với quy định của bộ luật hình sự.**
- d. cả ba nhận định trên đều sai.

câu 152: căn cứ vào tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm thì có bao nhiêu loại tội phạm?

- a. có hai loại: tội phạm nghiêm trọng và tội phạm ít nghiêm trọng.
- b. có ba loại tội phạm: tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm ít nghiêm trọng.
- c. có hai loại tội phạm: tội phạm nghiêm trọng và tội phạm rất nghiêm trọng
- d. **có bốn loại tội phạm: tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.**

câu 153: hình phạt cao nhất đối với tội phạm ít nghiêm trọng là bao nhiêu năm tù?

- a. là 07 năm tù.
- b. là 05 năm tù.
- c. **là 03 năm tù.**
- d. là 15 năm tù.

câu 154: trong các loại trách nhiệm pháp lý sau đây, loại nào không phải là hình phạt?

- a. tù hình
- b. cải tạo không giam giữ
- c. tù có thời hạn
- d. **án treo.**

câu 155: tòa án có quyền áp dụng loại trách nhiệm pháp lý nào khi tiến hành xét xử các vụ án?

- a. chỉ có quyền áp dụng trách nhiệm hình sự
- b. chỉ có quyền áp dụng trách nhiệm pháp lý dân sự

- c. có quyền áp dụng trách nhiệm pháp lý hình sự và trách nhiệm pháp lý dân sự
d. có quyền áp dụng trách nhiệm pháp lý hình sự, trách nhiệm pháp lý dân sự và trách nhiệm kỷ luật.

câu 156: trong các loại trách nhiệm pháp lý sau, loại nào chỉ có tòa án nhân dân mới có thẩm quyền áp dụng?

- a. phạt tiền
- b. phạt cải tạo không giam giữ
- c. cảnh cáo
- d. bồi thường thiệt hại

câu 157: sự thay thế các kiểu pháp luật trong lịch sử diễn ra theo thứ tự như thế nào?

- a. kiểu pl chủ nô, phong kiến, tư sản, xhcen.
- b. kiểu pl cộng sản nguyên thuỷ, chủ nô, phong kiến, tư sản, xhcen.
- c. kiểu pl phong kiến, tư sản, xhcen.
- d. tuỳ vào điều kiện lịch sử cụ thể của mỗi quốc gia mà sự thay thế các kiểu pháp luật trong lịch sử diễn ra theo những trình tự không giống nhau

câu 158. chức năng điều chỉnh của pháp luật được hiểu như thế nào?

- a. là sự ghi nhận một số quan hệ chủ yếu trong xã hội và bảo đảm sự phát triển của các quan hệ xh đó.
- b. là sự ghi nhận các quan hệ chủ yếu trong xh và đảm bảo sự phát triển của các quan hệ xh đó.
- c. là sự ghi nhận tất cả các quan hệ trong xh và đảm bảo sự phát triển của các quan hệ xh đó.
- d. cả ba nhận định trên đều sai.

câu 159. hiệu lực pháp lý của “hiến pháp” và “bộ luật” được xác định như thế nào?

- a. hiến pháp có hiệu lực cao hơn bộ luật.
- b. bộ luật có hiệu lực cao hơn so với hiến pháp.
- c. hai loại văn bản này đều có hiệu lực pháp lý ngang nhau.
- d. cả ba nhận định trên đều sai.

câu 160. vi phạm pháp luật do chủ thể nào sau đây thực hiện?

- a. chỉ do cá nhân
- b. chỉ do tổ chức kinh tế
- c. chỉ do tổ chức xh.
- d. tất cả các chủ thể pháp luật đều có thể vi phạm.

câu 161: chỉ coi là một vi phạm pl, khi hành vi đó xâm hại loại quan hệ nào sau đây?

- a. mọi quan hệ tồn tại trong xã hội
- b. một số quan hệ xã hội quan trọng
- c. chỉ xâm hại đến những quan hệ xh được pl ghi nhận vào bảo vệ.
- d. cả ba nhận định trên đều đúng.

câu 162: hành vi hợp pháp là hành vi nào sau đây?

- a. chỉ có hành vi thực hiện những điều pl cho phép mới là hành vi hợp pháp.
- b. chỉ có hành vi thực hiện đúng những điều pl yêu cầu phải làm mới là hợp pháp.
- c. chỉ có hành vi không thực hiện những điều pl cấm mới là hợp pháp.
- d. cả 3 hành vi trên đều hợp pháp.

câu 163: mặt khách quan của vi phạm pháp luật được hiểu như thế nào?

- a. là những điều xảy ra độc lập với con người
- b. là những ý định thực hiện hành vi trái pl của con người.
- c. là những thiệt hại do hành vi của con người gây ra.
- d. bao gồm hành vi trái pl của con người và hậu quả thiệt hại do hành vi trái pl đó gây ra.

câu 164: hành vi của con người bị coi là hành vi vi phạm pl kể từ khi nào?

- a. khi nó tồn tại trong suy nghĩ của con người
- b. khi nó tồn tại dưới dạng mong muốn của con người
- c. khi nó được thể hiện ra bên ngoài dưới dạng hành động và không hành động

d. cả ba nhận định trên đều đúng.

câu 165. hành vi trái pl của con người có thể gây ra loại thiệt hại nào sau đây?

- a. chỉ là thiệt hại chung cho xã.
- b. chỉ là thiệt hại trực tiếp về vật chất và tinh thần cho cá nhân
- c. chỉ là thiệt hại trực tiếp về vật chất và tinh thần cho cơ quan, tổ chức.
- d. cả 3 loại thiệt hại trên.

câu 166. khách thể của hành vi vi phạm pl là loại quan hệ xã nào sau đây?

- a. là tất cả những quan hệ trong xã mà hành vi vi phạm pl xâm hại.
- b. là tất cả những quan hệ xã được pl ghi nhận và bảo vệ nhưng bị hành vi vi phạm pl xâm hại.
- c. là tất cả những quan hệ xã được tổ chức xã bảo vệ nhưng bị hành vi vi phạm pl xâm hại.
- d. là tất cả những quan hệ xã được tổ chức kinh tế bảo vệ nhưng bị hành vi vi phạm pl xâm hại.

câu 167. việc phân loại khách thể của hành vi vi phạm pl nhằm mục đích gì?

- a. để đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi vi phạm pl
- b. để đánh giá mức độ lỗi
- c. để phân loại chủ thể
- d. cả ba nhận định trên đều đúng.

câu 168. mặt chủ quan của vi phạm pl là yếu tố nào sau đây?

- a. chỉ có yếu tố lỗi
- b. chỉ có yếu tố động cơ
- c. chỉ có yếu tố mục đích
- d. cả 3 yếu tố trên.

câu 169. dấu hiệu lỗi của vi phạm pl được hiểu như thế nào?

- a. là trạng thái tâm lý của chủ thể, phản ánh thái độ tiêu cực của chủ thể đối với hành vi vi phạm pl cũng như đối với hậu quả của hành vi đó.
- b. là trạng thái tâm lý của chủ thể thể hiện sự ăn năn, hối hận về hành vi vi phạm pl của mình
- c. là trạng thái tâm lý của chủ thể thể hiện sự ăn năn, hối hận về những thiệt hại do hành vi của mình gây ra.
- d. cả ba nhận định trên đều đúng

câu 170: yếu tố lỗi được phân chia thành những loại nào sau đây?

- a. lỗi cố ý và lỗi vô ý
- b. lỗi cố ý trực tiếp và lỗi vô ý vì quá tự tin
- c. lỗi cố ý gián tiếp và lỗi vô ý do cầu thá
- d. lỗi cố ý trực tiếp, lỗi cố ý gián tiếp, lỗi vô ý vì quá tự tin, lỗi vô ý do cầu thá

câu 171: loại lỗi nào sau đây được đánh giá là lỗi nghiêm trọng nhất?

- a. lỗi cố ý trực tiếp
- b. lỗi cố ý gián tiếp
- c. lỗi vô ý vì quá tự tin
- d. lỗi vô ý do cầu thá

câu 172. lỗi cố ý trực tiếp được hiểu như thế nào?

- a. là trường hợp chủ thể vi phạm nhận thấy mức độ nguy hiểm của hành vi vi phạm pl, nhận thấy trước hậu quả thiệt hại do hành vi vi phạm gây ra nhưng không quan tâm tới hậu quả có xảy ra hay không.
- b. là trường hợp chủ thể vi phạm nhận thấy mức độ nguy hiểm của hành vi vi phạm pl, nhận thấy trước hậu quả thiệt hại do hành vi vi phạm gây ra và mong muốn cho thiệt hại xảy ra.
- c. là trường hợp chủ thể vi phạm nhận thấy trước mức độ nguy hiểm của hành vi vi phạm pl nhưng không nhận thấy trước hậu quả thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
- d. cả ba nhận định trên đều sai.

câu 173. lỗi cố ý gián tiếp được hiểu như thế nào?

- a. là trường hợp chủ thể vi phạm nhận thấy trước mức độ nguy hiểm của hành vi vi phạm, nhận thấy trước hậu quả thiệt hại cho xã do hành vi vi phạm gây ra và mong muốn cho hậu quả đó xảy ra.

- b. là trường hợp chủ thể vi phạm nhận thấy trước mức độ nguy hiểm của hành vi vi phạm, nhận thấy trước hậu quả thiệt hại cho xã hội do hành vi vi phạm gây ra và làm mọi cách để cho hậu quả đó xảy ra.
- c. là trường hợp chủ thể vi phạm nhận thấy trước mức độ nguy hiểm của hành vi vi phạm, nhận thấy trước hậu quả thiệt hại cho xã hội do hành vi vi phạm gây ra, tuy không mong muốn nhưng để mặc cho hậu quả xảy ra.
- d. cả ba nhận định trên đều sai.

câu 174. lỗi vô ý vì quá tự tin được hiểu như thế nào?

- a. là trường hợp chủ thể vi phạm nhận thấy trước hậu quả thiệt hại cho xã hội do hành vi của mình gây ra và làm mọi cách để cho hậu quả đó không xảy ra.
- b. là trường hợp chủ thể vi phạm nhận thấy trước hậu quả thiệt hại cho xã hội do hành vi của mình gây ra nhưng hy vọng, tin tưởng điều đó không xảy ra.
- c. là trường hợp chủ thể vi phạm nhận thấy trước hậu quả thiệt hại cho xã hội do hành vi của mình gây ra và mong muốn cho hậu quả đó xảy ra.
- d. là trường hợp chủ thể vi phạm nhận thấy trước hậu quả thiệt hại cho xã hội do hành vi của mình gây ra tuy không mong muốn nhưng để mặc cho hậu quả đó xảy ra.

câu 175. lỗi vô ý do cẩu thả được hiểu như thế nào?

- a. là trường hợp chủ thể vi phạm nhận thấy trước hậu quả thiệt hại cho xã hội do hành vi vi phạm của mình gây ra nhưng không mong muốn cho hậu quả đó xảy ra.
- b. là trường hợp chủ thể vi phạm nhận thấy trước hậu quả thiệt hại cho xã hội do hành vi vi phạm của mình gây ra tuy không mong muốn nhưng để mặc cho hậu quả xảy ra.
- c. là trường hợp chủ thể vi phạm do khinh suất, cẩu thả nên không nhận thấy trước hậu quả thiệt hại cho xã hội do hành vi của mình gây ra, mặc dù có thể nhận thấy và cần phải nhận thấy.
- d. cả ba nhận định trên đều sai.

câu 176: động cơ để chủ thể thực hiện hành vi vi phạm pl được hiểu như thế nào?

- a. là lý do thúc đẩy chủ thể hiện hành vi vi phạm pl
- b. là mục tiêu mà chủ thể vi phạm pl hướng tới
- c. là thiệt hại mà chủ thể vi phạm pl mong muốn đạt được
- d. cả ba nhận định trên đều đúng.

câu 177. mục đích của vi phạm pl được hiểu như thế nào?

- a. là xuất phát điểm của hành vi vi phạm pl
- b. là lý do thúc đẩy chủ thể thực hiện hành vi vi phạm pl
- c. là kết quả chủ thể muốn đạt được khi thực hiện hành vi vi phạm pl
- d. cả ba nhận định trên đều sai.

câu 178. vi phạm pl hình sự được hiểu như thế nào?

- a. là những hành vi có lỗi, xâm hại quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân.
- b. là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong bộ luật hình sự.
- c. là những hành vi ám phạm trật tự của một tổ chức, đơn vị
- d. là những hành vi ám phạm trật tự pl.

câu 179. vi phạm pl hành chính được hiểu như thế nào?

- a. là bất kỳ hành vi nào nguy hiểm, xâm hại các quan hệ xã hội được pl bảo vệ.
- b. là bất kỳ hành vi nào trái pl, xâm hại trật tự pl.
- c. là hành vi trái pl, có lỗi, vi phạm các quy chế, nội quy trong các cơ quan hành chính.
- d. là hành vi trái pl, có lỗi, mức độ nguy hiểm cho xã hội hơn so với tội phạm, xâm hại các quan hệ xã hội được pl hành chính điều chỉnh và bảo vệ.

câu 180. vi phạm pl dân sự được hiểu như thế nào?

- a. là hành vi trái pl, có lỗi, xâm hại tới các quan hệ tài sản, quan hệ nhân thân được pl dân sự điều chỉnh và bảo vệ.
- b. là bất kỳ hành vi nào trái pl, xâm phạm tài sản của công dân
- c. là bất kỳ hành vi nào xâm phạm các quyền dân chủ của công dân
- d. cả ba nhận định trên đều đúng

câu 181. vi phạm kỷ luật được hiểu như thế nào?

- a. là hành vi xâm hại đến trật tự công cộng
- b. là hành vi xâm hại đến bất kỳ quan hệ xã hội nào được pl ghi nhận và bảo vệ
- c. là hành vi có lỗi, trái với các quy tắc kỷ luật của các cơ quan, tổ chức, xí nghiệp, trường học, do chủ thể có đủ năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện một cách có ý hoặc vô ý
- d. cả ba nhận định trên đều sai

câu 182. cơ quan nào có thẩm quyền xử lý vi phạm pl hình sự?

- a. bộ chính trị
- b. quốc hội
- c. chính phủ
- d. tòa án

câu 183. cơ quan nào có thẩm quyền giải quyết tranh chấp do vi phạm hợp đồng kinh doanh, thương mại?

- a. chỉ có cơ quan trọng tài do các bên lựa chọn
- b. chỉ do các bên tự thỏa thuận giải quyết
- c. chỉ do cơ quan toà án
- d. cả ba cơ quan nói trên đều có quyền giải quyết

câu 184. đối tượng điều chỉnh của luật nhân hàng là gì?

- a. những mối quan hệ về nhân thân
- b. những mối quan hệ phát sinh từ việc cho vay vốn ở ngân hàng thương mại
- c. những mối quan hệ phát sinh trong hoạt động quản lý nhà nước đối với hệ thống ngân hàng
- d. những mối quan hệ phát sinh từ hoạt động kinh doanh ngân hàng của các tổ chức tín dụng, tổ chức khác có hoạt động ngân hàng và phát sinh trong hoạt động quản lý nhà nước đối với hệ thống ngân hàng

câu 185. cơ quan nào sau đây có thẩm quyền xử lý vi phạm kỷ luật?

- a. người đứng đầu cơ quan, tổ chức
- b. trọng tài do các bên lựa chọn
- c. các bên tự thỏa thuận
- d. cả ba cơ quan nêu trên đều có thẩm quyền

câu 186. khái niệm “trách nhiệm pháp lý” được hiểu như thế nào?

- a. là quan hệ pl đặc biệt phát sinh giữa nn và các chủ thể pl
- b. là quan hệ pl đặc biệt phát sinh giữa nn và chủ thể vi phạm pl trong việc nhà nước áp dụng chế tài đối với chủ thể vi phạm pl
- c. là quan hệ pl đặc biệt phát sinh giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc giải quyết vi phạm pl
- d. là quan hệ pl đặc biệt phát sinh giữa các chủ thể vi phạm pl với nhau.

câu 187. khi nhà nước áp dụng trách nhiệm pháp lý, chủ thể vi phạm pl phải xử sự như thế nào?

- a. có quyền thỏa thuận với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về biện pháp chế tài áp dụng
- b. có quyền lựa chọn các biện pháp chế tài
- c. có nghĩa vụ phải gánh chịu những hậu quả bất lợi mà nhà nước áp dụng đối với mình
- d. cả ba nhận định trên đều sai

câu 188. cơ sở nào làm phát sinh trách nhiệm pháp lý?

- a. khi có chủ thể pl xuất hiện
- b. khi có hành vi vi phạm pl và có quyết định áp dụng pl của cơ quan nhà nước có thẩm quyền
- c. khi có quy phạm pl được ban hành
- d. khi cơ quan có thẩm quyền tiến hành xem xét vụ việc vi phạm

câu 189. bản chất của trách nhiệm pháp lý được hiểu như thế nào?

- a. là sự thực hiện chế tài pl đối với chủ thể vi phạm pl khi chủ thể đó thực hiện hành vi vi phạm pl
- b. là sự phục hồi lại tình trạng ban đầu trước khi hành vi vi phạm pl thực hiện
- c. chỉ là trách nhiệm bồi thường thiệt hại của chủ thể vi phạm pl
- d. cả ba nhận định trên đều đúng

câu 190. cơ sở pháp lý của việc truy cứu trách nhiệm pháp lý là gì?

- a. là quyết định xử lý của cơ quan nhà nước
- b. là quyết định xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền
- c. là quyết định xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có hiệu lực pl
- d. tất cả những nhận định trên đều đúng

câu 191. chủ thể vi phạm pl hình sự có thể bị áp dụng biện pháp chế tài nào sau đây?

- a. chỉ bị áp dụng hình phạt tù hình
- b. chỉ bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn
- c. chỉ bị phạt tiền
- d. có thể bị áp dụng một hoặc một số biện pháp chế tài nêu trên

câu 192. biện pháp chế tài nào sau đây không phải là chế tài hình sự?

- a. phạt tù có thời hạn
- b. phạt tù chung thân
- c. phạt tiền
- d. buộc thôi việc

câu 193. chủ thể vi phạm pl hành chính có thể bị áp dụng biện pháp chế tài nào sau đây?

- a. chỉ bị phạt cảnh cáo
- b. chỉ bị phạt tiền
- c. chỉ bị tịch thu tang vật, phuong tiện vi phạm, giấy phép hành nghề
- d. có thể bị áp dụng một hoặc một số biện pháp nêu trên

câu 194. biện pháp chế tài nào sau đây không áp dụng đối với chủ thể vi phạm pl hành chính?

- a. cảnh cáo
- b. phạt tiền
- c. cai tạo không giam giữ
- d. tịch thu tang vật, phuong tiện vi phạm, giấy phép hành nghề

câu 195. chủ thể vi phạm pl dân sự có thể bị áp dụng biện pháp chế tài nào sau đây?

- a. bồi thường thiệt hại
- b. phạt tiền
- c. tịch thu tang vật, phuong tiện vi phạm
- d. tịch thu giấy phép hành nghề

câu 196. không thể áp dụng biện pháp chế tài nào sau đây đối với chủ thể vi phạm pl dân sự?

- a. bồi thường thiệt hại về vật chất
- b. bồi thường thiệt hại về tinh thần
- c. công khai xin lỗi
- d. cảnh cáo

câu 197. chủ thể vi phạm kỷ luật có thể bị áp dụng biện pháp chế tài nào sau đây?

- a. chỉ bị buộc thôi việc
- b. chỉ bị hạ bậc lương
- c. chỉ bị cảnh cáo
- d. cả ba biện pháp nêu trên đều có thể bị áp dụng

câu 198. cơ sở nào để phân chia hệ thống pl thành các ngành luật?

- a. căn cứ vào các chủ thể của pl
- b. chỉ căn cứ vào đối tượng điều chỉnh của ngành luật đó
- c. chỉ căn cứ vào phuong pháp điều chỉnh của ngành luật đó
- d. phải căn cứ vào đối tượng điều chỉnh và phuong pháp điều chỉnh của ngành luật đó

câu 199. sự xuất hiện nhà nước ở vn do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- a. do sự mâu thuẫn giai cấp sâu sắc đến mức không thể điều hòa được
- b. do sự phát triển của chế độ tư hữu

- c. do yêu cầu phòng chống thiên tai, trị thuỷ và chống giặc ngoại xâm
- d. chỉ do yêu cầu phòng chống thiên tai

câu 200. tìm hiểu bản chất giai cấp của nhà nước là tìm hiểu yếu tố nào sau đây?

- a. nhà nước đó ra đời như thế nào?
- b. nhà nước đó thuộc về giai cấp nào, do giai cấp nào tổ chức lên và phục vụ trước hết lợi ích cho giai cấp nào
- c. nhà nước thuộc kiểu nhà nước nào
- d. tất cả những nhận định trên đều đúng

câu 201. sự thống trị gc trong xh có nhà nước thể hiện trên lĩnh vực nào sau đây?

- a. chỉ thống trị về kinh tế
- b. chỉ thống trị về chính trị
- c. chỉ thống trị về tư tưởng
- d. thống trị cả ba lĩnh vực nêu trên

câu 202. khái niệm “thực hiện pl” được hiểu như thế nào?

- a. là quá trình hoạt động có mục đích làm cho những quy định của pl trở thành xử sự thực tế của các chủ thể pl
- b. là quá trình ban hành các văn bản luật.
- c. là quá trình hướng dẫn pl
- d. cả ba nhận định trên đều đúng.

câu 203. khái niệm “tuân thủ pl” được hiểu như thế nào?

- a. là trường hợp cơ quan có thẩm quyền xây dựng văn bản hướng dẫn các đạo luật của quốc hội.
- b. là trường hợp chủ thể pl thực hiện các nhiệm vụ do pháp luật quy định.
- c. là trường hợp chủ thể pl kiềm chế không tiến hành những hoạt động mà pl cấm.
- d. cả ba nhận định trên đều đúng.

câu 204. khái niệm “thi hành pl” được hiểu như thế nào?

- a. là trường hợp chủ thể thực hiện nghĩa vụ của mình bằng hành động tích cực.
- b. là trường hợp cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp trách nhiệm pháp lý với chủ thể vi phạm pl.
- c. là trường hợp cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp cưỡng chế đối với chủ thể vi phạm pl.
- d. là trường hợp chủ thể thực hiện nghĩa vụ của mình sau khi có sự cưỡng chế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

câu 205: khái niệm “sử dụng pl” được hiểu như thế nào?

- a. là trường hợp chủ thể pl vận dụng pl.
- b. là trường hợp cơ quan có thẩm quyền ra quyết định áp dụng pl.
- c. là trường hợp chủ thể pl thực hiện quyền chủ thể của mình được pl quy định hoặc cho phép.
- d. cả ba nhận định trên đều đúng.

câu 206: chủ thể nào sau đây có thẩm quyền áp dụng pl?

- a. mọi chủ thể pl
- b. chỉ có chủ thể là tổ chức
- c. chỉ có chủ thể là cá nhân
- d. chỉ có chủ thể là nhà nước (cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân được nhà nước trao quyền)

câu 207: hoạt động áp dụng pl có tính chất nào sau đây?

- a. là hoạt động mang tính tổ chức - quyền lực nhà nước.
- b. là hoạt động mang tính xh
- c. là hoạt động mang tính chất chính trị
- d. cả ba nhận định trên đều đúng.

câu 208: để tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, cần tăng cường công tác nào sau đây?

- a. chỉ cần tăng cường công tác lập pháp
- b. chỉ cần tăng cường công tác hành pháp
- c. chỉ cần tăng cường công tác tư pháp

d. phải tăng cường tất cả các mặt công tác nêu trên.

câu 209: khái niệm “ý thức pl” được hiểu như thế nào?

- a. là thái độ của nhà nước đối với pl và các hiện tượng pháp lý
- b. là thái độ, sự đánh giá của con người đối với pl và hệ tư tưởng pl.
- c. là thái độ của các nhà lập pháp đối với pl hiện hành
- d. là thái độ của cơ quan có thẩm quyền áp dụng pl đối với pl.

câu 210: tâm lý pl được biểu hiện dưới hình thức nào sau đây?

- a. là tổng thể các quan điểm, học thuyết về pl
- b. là tổng thể tư tưởng, học thuyết về pl
- c. là ách thức xử sự của con người đối với pl
- d. là tâm trạng, xúc cảm, thái độ, tình cảm của con người đối với pl và các hiện tượng pháp lý khác.

câu 211: một người mang “ý thức pl thông thường” là người đáp ứng điều kiện nào sau đây?

- a. là người có những kiến thức nhất định về pl, có kinh nghiệm trong việc giải quyết một số vụ việc pháp lý cụ thể, nhưng kiến thức pl của người này mới chỉ dừng lại ở những hiểu biết bên ngoài, chưa đi vào bản chất bên trong của pl.
- b. là người có kiến thức sâu sắc, có tính hệ thống về pl
- c. là người có trình độ cao về pl nhưng chưa đạt đến trình độ để đưa ra được các học thuyết, quan điểm khoa học về pl.
- d. cả ba nhận định trên đều sai.

câu 212: một người có “ý thức pl mang tính lý luận” là người như thế nào?

- a. là người có sự hiểu biết sâu sắc, có tính hệ thống về pl và tồn tại dưới dạng các học thuyết, quan điểm khoa học về pl.
- b. là người có những kiến thức nhất định về pl, có kinh nghiệm trong việc giải quyết một số vụ việc pháp lý cụ thể, nhưng kiến thức pl của người này mới chỉ dừng lại ở những hiểu biết bên ngoài, chưa đi vào bản chất bên trong của pl.
- c. là người có những hiểu biết nhất định về pl và có kinh nghiệm trong việc giải quyết một số vụ việc pháp lý cụ thể.
- d. cả ba nhận định trên đều sai.

câu 213: chủ thể của quyền lực nhà nước là chủ thể nào sau đây?

- a. giai cấp công nhân
- b. nhân dân lao động
- c. giai cấp giữ vị trí thống trị về kinh tế, chính trị và trong nhà nước
- d. các đảng chính trị

câu 214: chủ thể nào sau đây có quyền ban hành pl?

- a. nhà nước
- b. đảng chính trị
- c. mặt trận tổ quốc
- d. tổ chức tôn giáo.

câu 215: khái niệm “chế độ chính trị” được hiểu như thế nào?

- a. là cơ cấu, tổ chức của các đảng chính trị trong hệ thống chính trị.
- b. là toàn bộ phương pháp, cách thức, thủ đoạn mà ác cơ quan nhà nước sử dụng để thực hiện quyền lực nhà nước.
- c. là hoạt động của các đảng chính trị trong hệ thống chính trị
- d. tất cả những nhận định trên đều đúng.

câu 216: trong các nhà nước bóc lột, nhà nước thực hiện chức năng chủ yếu nào sau đây?

- a. duy trì chế độ tư hữu, duy trì quan hệ bóc lột.
- b. duy trì chế độ bình đẳng
- c. duy trì chế độ công hữu về tư liệu sản xuất
- d. chỉ duy trì việc thu thuế đối với mọi tổ chức và công dân.

câu 217: trong nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhà nước thực hiện chức năng chủ yếu nào sau đây?

- a. đại diện cho lợi ích của mọi cá nhân trong xã.
- b. bảo vệ lợi ích của mọi cá nhân trong xã.
- c. duy trì chế độ dân chủ, bình đẳng trong xã, dựa trên cơ sở chế độ công hữu về tư liệu sản xuất.
- d. bảo đảm việc thu thuế đối với mọi tổ chức và cá nhân.

câu 218: chức năng đối nội và chức năng đối ngoại của nhà nước có quan hệ với nhau như thế nào?

- a. chức năng đối nội mâu thuẫn với chức năng đối ngoại
- b. chức năng đối nội quyết định chức năng đối ngoại
- c. **chức năng đối nội và chức năng đối ngoại có quan hệ chặt chẽ với nhau, tác động ảnh hưởng lẫn nhau**
- d. chức năng đối nội và chức năng đối ngoại độc lập với nhau, không có quan hệ và ảnh hưởng lẫn nhau

câu 219: chủ thể nào sau đây không thuộc hệ thống cơ quan hành chính nhà nước?

- a. chính phủ
- b. ubnd các cấp
- c. bộ khoa học và công nghệ
- d. **toà hành chính toà án nhân dân**